



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NĂM 2022

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC NAM TRUNG BỘ NĂM 2022

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG												
1	NV1489	Bùi Thị Quỳnh	Anh		12-08-1991	CVNV	41/60	28/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều	Chủ Nhật, ngày 13/11/2022
2	NV1490	Nguyễn Thị Thu	Hiền		15-01-1987	CVNV	32/60	24/30	Đạt			
3	NV1491	Trần Quốc	Khánh	12-7-1993		CVNV	52/60	24/30	Đạt			
4	NV1492	Nguyễn Thị Kim	Ngân		02-07-1993	CVNV	38/60	30/30	Đạt			
5	NV1493	Nguyễn Ngọc	Quỳnh		07-01-1991	CVNV	32/60	27/30	Đạt			
6	NV1494	Phan Thị Hà	Vân		01-01-1997	CVNV	29/60	29/30	Không đạt			
7	NV1495	Lê Thị Tường	Vi		22-07-1999	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH TỈNH NINH THUẬN												
1	NV1330	Nguyễn Bảo	Chân		13-03-2000	CVNV	36/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều	Chủ Nhật, ngày 13/11/2022
2	NV1331	Trịnh Ngô Thùy	Dương		09-04-1996	CVNV	35/60	25/30	Đạt			
3	NV1332	Mai Chánh	Đạt	07-11-1998		CVNV	31/60	27/30	Đạt			
4	NV1338	Trần Thị Kim	Phụng		06-07-1989	CVNV	40/60	24/30	Đạt			
5	NV1339	Châu Thị Huỳnh	Phương		23-10-1999	CVNV	34/60	20/30	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
6	NV1343	Đàm Nguyễn Ngọc Trâm		16-02-2000	CVNV	28/60	28/30	Không đạt			
7	NV1333	Võ Ngọc Mai Hoa		01-05-1998	CVNV	27/60	12/30	Không đạt			
8	NV1334	Lê Vũ Hàn Mai		04-12-2000	CVNV			Vắng			
9	NV1335	Nguyễn Hải Ngân		02-06-1999	CVNV			Vắng			
10	NV1336	Nguyễn Trần Phương Nghi		28-04-1997	CVNV			Vắng			
11	NV1337	Lê Huỳnh Phương Nhung		24-09-2000	CVNV			Vắng			
12	NV1340	Lê Thị Phương Thùy		25-10-1991	CVNV			Vắng			
13	NV1341	Nguyễn Thị Anh Thư		18-04-1993	CVNV			Vắng			
14	NV1342	Nguyễn Thị Nhã Trang		09-07-1983	CVNV			Vắng			
15	NV1344	Phan Nguyễn Tường Vy		10-04-1992	CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TỈNH GIA LAI

1	NV1470	Nguyễn Thanh Hà	25-09-1989		CVNV	35/60	20/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều	Chủ Nhật, ngày 13/11/2022
2	NV1471	Nguyễn Cao Nguyên	25-02-1993		CVNV	48/60	27/30	Đạt			
3	NV1472	Nguyễn Tấn Pháp	18-12-1995		CVNV	36/60	23/30	Đạt			
4	NV1474	Nguyễn Bá Thạch	25-03-1999		CVNV	46/60	28/30	Đạt			
5	NV1476	Phạm Thị Thanh Thùy		14-11-1984	CVNV	38/60	24/30	Đạt			
6	NV1477	Nguyễn Thị Thảo Trang		20-10-1988	CVNV	52/60	29/30	Đạt			
7	NV1481	Hoàng Anh Vũ	11-04-1992		CVNV	43/60	18/30	Đạt			
8	NV1482	Phạm Nguyễn Hoài Vy		04-03-1995	CVNV	44/60	28/30	Đạt			
9	NV1469	Vương Trọng Cường	03-04-2000		CVNV	29/60	10/30	Không đạt			
10	NV1468	Nguyễn Thị Hồng Cẩm		02-03-1989	CVNV			Vắng			
11	NV1473	Võ Thị Thanh		13-06-1993	CVNV			Vắng			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
12	NV1475	Trần Thị Ngọc Thu		10-10-1993	CVNV			Vắng			
13	NV1478	Lê Thị Thùy Trang		24-01-2000	CVNV			Vắng			
14	NV1479	Hồ Phước Anh Tuấn	25-08-1992		CVNV		Miễn	Vắng			
15	NV1480	Phan Trương Minh Uyên		16-11-1999	CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI

1	NV1372	Trịnh Thị Thúy An		01-01-1991	CVNV	30/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00-09h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
2	NV1374	Nguyễn Tuấn Anh	12-02-1989		CVNV	33/60	24/30	Đạt			
3	NV1375	Nguyễn Đình Bách	07-6-1998		CVNV	39/60	27/30	Đạt			
4	NV1378	Lê Huỳnh Thị Huyền Chi		19-02-1992	CVNV	52/60	28/30	Đạt			
5	NV1380	Dương Thị Kim Chi		04-7-1992	CVNV	38/60	26/30	Đạt			
6	NV1382	Nguyễn Quốc Chính	20-12-1994		CVNV	39/60	17/30	Đạt			
7	NV1385	Trần Thị Hồng Diễm		30-7-1995	CVNV	43/60	29/30	Đạt			
8	NV1388	Võ Thị Mộng Điệp		20-4-1988	CVNV	48/60	27/30	Đạt			
9	NV1389	Phan Thùy Dung		02-01-1991	CVNV	53/60	30/30	Đạt			
10	NV1391	Lê Xuân Dương	10-01-1989		CVNV	45/60	29/30	Đạt			
11	NV1394	Đinh Thị Đức Hạnh		26-7-1991	CVNV	36/60	18/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00-11h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
12	NV1396	Nguyễn Thị Phượng Hiền		01-11-1992	CVNV	35/60	25/30	Đạt			
13	NV1397	Nguyễn Thị Hiếu		02-12-1991	CVNV	32/60	26/30	Đạt			
14	NV1398	Võ Thị Ánh Hoa		12 - 12 - 1988	CVNV	44/60	28/30	Đạt			
15	NV1400	Trần Thị Kiều Hoanh		30-01-1999	CVNV	30/60	25/30	Đạt			
16	NV1402	Nguyễn Thị Mỹ Khanh		25-12-1991	CVNV	54/60	30/30	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
17	NV1404	Phạm Thị Hoàng Kim		10-7-1993	CVNV	39/60	19/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00- 11h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
18	NV1406	Phạm Thị Thúy Lệ		21-3-1996	CVNV	45/60	29/30	Đạt			
19	NV1407	Trần Thị Thúy Liễu		19/3/1992	CVNV	35/60	27/30	Đạt			
20	NV1409	Trần Thị Tuyết Liễu		22-10-1995	CVNV	32/60	17/30	Đạt			
21	NV1411	Mai Thị Kiều Loan		30-10-1993	CVNV	47/60	25/30	Đạt			
22	NV1413	Huỳnh Thị Thanh Lộc		16-02-1994	CVNV	45/60	25/30	Đạt			
23	NV1416	Bùi Thị Khánh Ly		11-4-1996	CVNV	32/60	27/30	Đạt			
24	NV1417	Nguyễn Thanh Mai		11-09-1991	CVNV	41/60	Miễn	Đạt			
25	NV1419	Nguyễn Thị Như My		10-6-1991	CVNV	48/60	26/30	Đạt			
26	NV1420	Trần Thị Thanh Nga		06-6-1991	CVNV	42/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00- 09h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
27	NV1423	Lê Hoàng Như Nguyễn		01-01-1988	CVNV	39/60	27/30	Đạt			
28	NV1427	Nguyễn Hữu Quỳnh Như		08-12-1990	CVNV	52/60	30/30	Đạt			
29	NV1429	Lê Thị Cẩm Nhung		01-01-1991	CVNV	35/60	23/30	Đạt			
30	NV1431	Trần Thị Diệu Nương		10-02-1983	CVNV	49/60	28/30	Đạt			
31	NV1432	Lê Nguyễn Ngọc Phi		01-11-1989	CVNV	34/60	30/30	Đạt			
32	NV1434	Trần Thị Phụng		20-9-1993	CVNV	30/60	24/30	Đạt			
33	NV1437	Phạm Thị Như Quyên		25-5-1990	CNNV	38/60	26/30	Đạt			
34	NV1439	Nguyễn Minh Thành	30-12-1992		CVNV	31/60	15/30	Đạt			
35	NV1440	Nguyễn Thị Anh Thao		30-4-1993	CVNV	39/60	19/30	Đạt			
36	NV1441	Đỗ Thị Phương Thảo		02-06-1990	CVNV	42/60	18/30	Đạt			
37	NV1442	Lê Hoàng Phương Thảo		15-10-1993	CVNV	34/60	27/30	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2	
						Kiến thức chung	Tiếng Anh					
38	NV1445	Lê Trần Hoài	Thương		17-9-1990	CVNV	43/60	Miễn	Đạt	Bàn 2	Ca 2 từ 09h00- 11h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
39	NV1448	Lê Thị Như	Thùy		10-01-1989	CVNV	41/60	28/30	Đạt			
40	NV1449	Lê Thị Thủy	Tiên		13/03/1992	CVNV	48/60	29/30	Đạt			
41	NV1452	Hồ Thị Huyền	Trang		30-08-1994	CVNV	38/60	15/30	Đạt			
42	NV1453	Phạm Thị	Trang		21-8-1991	CVNV	40/60	20/30	Đạt			
43	NV1454	Trần Thị	Trang		24-6-1990	CVNV	46/60	27/30	Đạt			
44	NV1455	Trần Thị Diễm	Trang		01-12-1991	CVNV	35/60	26/30	Đạt			
45	NV1456	Hà Nguyễn Minh	Tuấn	22-6-2000		CVNV	32/60	29/30	Đạt			
46	NV1459	Phan Thị Thanh	Vi		05-7-1988	CVNV	43/60	16/30	Đạt			
47	NV1460	Ngô Thị Tường	Vi		25-03-1999	CVNV	38/60	18/30	Đạt			
48	NV1464	Phạm Thị Hà	Vy		27-10-2000	CVNV	31/60	24/30	Đạt			
49	NV1465	Nguyễn Thị Tường	Vy		17-6-1995	CVNV	47/60	Miễn	Đạt			
50	NV1466	Trương Thị Minh	Ý		21-9-1994	CVNV	42/60	17/30	Đạt			
51	NV1450	Nguyễn Thị	Tiến		11-11-1991	CVNV	42/60	11/30	Không đạt			
52	NV1421	Phan Thanh	Ngãi	03-6-1993		CVNV	34/60	12/30	Không đạt			
53	NV1435	Nguyễn Văn Khoa	Phước	06/10/1997		CVNV	32/60	13/30	Không đạt			
54	NV1414	Phan Nhất	Lộc		09-01-1988	CVNV	30/60	12/30	Không đạt			
55	NV1390	Dương Thị Mỹ	Dung		02-11-1991	CVNV	28/60	12/30	Không đạt			
56	NV1393	Nguyễn Nguyên Thanh	Hằng		17-10-1998	CVNV	23/60	26/30	Không đạt			
57	NV1415	Võ Thành	Luân	24-7-1997		CVNV	22/60	11/30	Không đạt			
58	NV1371	Huỳnh Thị Thúy	Ái		01-01-1990	CVNV	19/60	18/30	Không đạt			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
59	NV1373	Đỗ Ngọc Anh		28-06-1999	CVNV			Vắng			
60	NV1376	Đinh Thị Minh Chánh		4-8-1986	CVNV			Vắng			
61	NV1377	Nguyễn Thị Ngọc Châu		01-10-1980	CVNV			Vắng			
62	NV1379	Phạm Thị Diễm Chi		16-11-1988	CVNV			Vắng			
63	NV1381	Huỳnh Ngọc Chiến	20-10-1993		CVNV			Vắng			
64	NV1383	Bùi Tá Duy Công	18-12-1992		CVNV			Vắng			
65	NV1384	Võ Thanh Danh		10-03-1992	CVNV			Vắng			
66	NV1386	Phạm Thị Diễm		04-01-1995	CVNV			Vắng			
67	NV1387	Nguyễn Thị Mỹ Diện		18-02-1996	CVNV			Vắng			
68	NV1392	Nguyễn Thị Duyên		18-02-1999	CVNV			Vắng			
69	NV1395	Phạm Thị Thu Hậu		10-01-1987	CVNV			Vắng			
70	NV1399	Nguyễn Hồng Thúy Hòa		03-03-1995	CVNV			Vắng			
71	NV1401	Võ Thị Mỹ Hoanh		29-7-1988	CVNV			Vắng			
72	NV1403	Đặng Thị Khoa		16-6-1992	CVNV			Vắng			
73	NV1405	Ngô Thị Lan		10-11-1995	CVNV			Vắng			
74	NV1408	Bùi Nguyễn Duy Liêm	23-02-1992		CVNV			Vắng			
75	NV1410	Trần Duy Linh	08-4-1993		CVNV			Vắng			
76	NV1412	Nguyễn Thị Bích Loan		09-8-1990	CVNV			Vắng			
77	NV1418	Nguyễn Tiến Mạnh	15-6-2000		CVNV			Vắng			
78	NV1422	Phạm Thị Hồng Nguyên		22-7-1990	CVNV			Vắng			



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
79	NV1424	Trần Văn	Nhật	24-04-2000		CVNV			Vắng			
80	NV1425	Phạm Minh	Nhật	06-4-1997		CVNV			Vắng			
81	NV1426	Phan Thị	Nhi		20-03-1994	CVNV			Vắng			
82	NV1428	Vũ Thị Hồng	Nhung		17-02-2000	CVNV			Vắng			
83	NV1430	Nguyễn Bùi Trang	Nhung		26-6-2000	CVNV			Vắng			
84	NV1433	Bùi Thị	Phú		25-02-1997	CVNV			Vắng			
85	NV1436	Võ Ngọc	Quốc	02-02-1993		CVNV			Vắng			
86	NV1438	Phạm Đại	Thắng	10-10-1995		CVNV			Vắng			
87	NV1443	Lê Thu	Thảo		31-3-1990	CVNV			Vắng			
88	NV1444	Nguyễn Thị Minh	Thư		24-07-1993	CVNV			Vắng			
89	NV1446	Võ Thị	Thúy		10-6-1992	CVNV			Vắng			
90	NV1447	Võ Thị	Thùy		20-01-1996	CVNV			Vắng			
91	NV1451	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm		01-8-1989	CVNV			Vắng			
92	NV1457	Đỗ Thị Hải	Vân		21-9-1996	CVNV			Vắng			
93	NV1458	Trương Thị Thu	Vân		26-01-1999	CVNV			Vắng			
94	NV1461	Trần Thị Tường	Vi		01-01-1999	CVNV			Vắng			
95	NV1462	Đặng Thị Thúy	Vi		27-10-1995	CVNV			Vắng			
96	NV1463	Nguyễn	Vũ	17-7-1994		CVNV			Vắng			
97	NV1467	Nguyễn Phan Hoàng	Yến		12-8-1994	CVNV			Vắng			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH TỈNH KON TUM											
1	NV1483	Nguyễn Thị Ngọc Anh		07-05-1990	CVNV	52/60	28/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00-15h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
2	NV1484	Nguyễn Đình Dũng	09-05-1997		CVNV	35/60	19/30	Đạt			
3	NV1485	Thân Thị Hậu		25-08-1992	CVNV	36/60	25/30	Đạt			
4	NV1486	Trần Thị Hương Hồng		20-08-1989	CVNV	37/60	Miễn	Đạt			
5	NV1487	Bùi Thị Hữu Hương		25-12-1992	CVNV	30/60	28/30	Đạt			
6	NV1488	Nguyễn Tú Trinh		18-12-1997	CVNV	30/60	27/30	Đạt			
NHNN CHI NHÁNH TỈNH BÌNH ĐỊNH											
1	NV1303	Trần Thị Hoàng Anh		21-3-1985	CVNV	36/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00-15h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
2	NV1304	Nguyễn Thị Hồng Cẩm		01-8-1990	CVNV	45/60	21/30	Đạt			
3	NV1305	Nguyễn Đình Can	22-9-2000		CVNV	37/60	21/30	Đạt			
4	NV1306	Nguyễn Hoàng Duyên		01-7-1994	CVNV	31/60	22/30	Đạt			
5	NV1307	Trần Thị Hoàng Dung		20-9-1994	CVNV	53/60	27/30	Đạt			
6	NV1308	Đặng Thị Thu Hiền		19-4-1993	CVNV	50/60	27/30	Đạt			
7	NV1309	Nguyễn Hữu Huy	21-02-1997		CVNV	43/60	30/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h30-17h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
8	NV1310	Cao Thị Thúy Hằng		25-5-1998	CVNV	31/60	23/30	Đạt			
9	NV1311	Đặng Huy Khôi	09-11-1991		CVNV	49/60	28/30	Đạt			
10	NV1312	Phạm Thị Nở		20-10-1993	CVNV	42/60	26/30	Đạt			
11	NV1313	Nguyễn Thị Kim Nguyệt		17-6-1995	CVNV	41/60	20/30	Đạt			
13	NV1315	Nguyễn Thị Kim Thi		20-10-1992	CVNV	44/60	Miễn	Đạt			

Stp

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
14	NV1316	Phạm Huyền Trang		21-3-1996	CVNV	38/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h30- 17h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
16	NV1318	Hồ Nguyễn Sĩ Văn	01-01-2000		CVNV	36/60	29/30	Đạt			
18	NV1320	Nguyễn Ngọc Bảo	12-6-1994		CVNV	38/60	22/30	Đạt			
19	NV1321	Đặng Thu Hiền		02-10-1990	CVNV	48/60	29/30	Đạt			
20	NV1322	Nguyễn Vũ Hoàng Linh		26-01-2000	CVNV	44/60	28/30	Đạt			
22	NV1324	Đỗ Nhật Nam	07-8-1993		CVNV	44/60	29/30	Đạt			
23	NV1325	Huỳnh Thị Kim Nhiên		29-10-1987	CVNV	46/60	28/30	Đạt			
24	NV1326	Trương Nguyễn Nhật Quỳnh		28-10-1997	CVNV	38/60	29/30	Đạt			
25	NV1327	Lê Thị Diệu Thoa		12-8-1993	CVNV	40/60	30/30	Đạt			
26	NV1328	Nguyễn Thị Thùy Trang		15-8-1991	CVNV	30/60	18/30	Đạt			
12	NV1314	Nguyễn Xuân Phương	21-11-1999		CVNV	30/60	14/30	Không đạt			
15	NV1317	Bùi Thanh Vân		02-9-1990	CVNV	29/60	23/30	Không đạt			
17	NV1319	Trần Tuấn Anh	24-6-1999		CVNV			Vắng			
21	NV1323	Thái Trần Tuyết Nhi		27-8-1998	CVNV			Vắng			
27	NV1329	Trần Hoàng Thanh Xuân		02-02-1995	CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TỈNH ĐẮK LẮK

1	NV1496	Nguyễn Hoàng Anh		26-03-1996	CVNV	33/60	26/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00- 15h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
2	NV1499	Lê Thị Thu Hằng		01-08-1991	CVNV	32/60	29/30	Đạt			
3	NV1500	Đặng Hữu Hiếu	26-09-1993		CVNV	38/60	30/30	Đạt			
4	NV1501	Thái Thị Phi Hiếu		18-05-1985	CVNV	37/60	23/30	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
5	NV1502	Đỗ Thị Mai Lan		13-09-1996	CVNV	42/60	25/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00- 15h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
6	NV1503	Cao Thế Thuý Linh		06-04-1994	CVNV	33/60	29/30	Đạt			
7	NV1504	Trần Thị Loan		20-01-1992	CVNV	38/60	19/30	Đạt			
8	NV1505	Đoàn Thị Hồng Nhung		22-09-1994	CVNV	43/60	28/30	Đạt			
9	NV1508	Nguyễn Thị Phương Thuý		12-04-1993	CVNV	46/60	25/30	Đạt			
10	NV1510	Hoàng Thị Quỳnh Mai		02-07-1991	CVNV	30/60	19/30	Đạt			
11	NV1512	Vương Thị Thảo		06-02-1998	CVNV	41/60	23/30	Đạt			
12	NV1506	Nguyễn Thị Kim Phụng		10-11-1995	CVNV	24/60	20/30	Không đạt			
13	NV1497	La Thị Duyên		12-06-1994	CVNV			Vắng			
14	NV1498	Lê Thị Hồng Giang		21-04-1999	CVNV			Vắng			
15	NV1507	Hoàng Xuân Tú	21-09-1997		CVNV			Vắng			
16	NV1509	Hà Tường Vi		28-06-1996	CVNV			Vắng			
17	NV1511	Đặng Thị Ngọc Trâm		21-10-1994	CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TỈNH PHÚ YÊN

1	NV1346	Đinh Thị Xuân Diệu		01-06-1993	CVNV	34/60	29/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h30- 17h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
2	NV1347	Võ Dương Thùy Dung		04-08-2000	CVNV	34/60	25/30	Đạt			
3	NV1348	Nguyễn Thị Phương Duy		06-03-1992	CVNV	47/60	23/30	Đạt			
4	NV1350	Trần Hương Giang		25-04-1989	CVNV	30/60	21/30	Đạt			
5	NV1352	Trương Trọng Hậu	08-10-1990		CVNV	32/60	24/30	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
6	NV1356	Cao Lê Minh	Hung	01-01-2000		CVNV	49/60	27/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h30- 17h30	Thứ Hai, ngày 14/11/2022
7	NV1357	Nguyễn Thị Mỹ	Hương		19-07-1991	CVNV	48/60	23/30	Đạt			
8	NV1358	Hoàng Quốc	Khánh	15-04-1996		CVNV	35/60	Miễn	Đạt			
9	NV1359	Trần Việt	Khoa	06-04-1992		CVNV	46/60	30/30	Đạt			
10	NV1360	Huỳnh Thị Thúy	Kiều		16-09-1992	CVNV	36/60	24/30	Đạt			
11	NV1362	Nguyễn Thị Trúc	Ly		26-03-1998	CVNV	38/60	28/30	Đạt			
12	NV1363	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		15-11-1992	CVNV	46/60	29/30	Đạt			
13	NV1364	Đặng Lưu Bích	Phương		01-08-1990	CVNV	49/60	29/30	Đạt			
14	NV1365	Nguyễn Anh	Quý	10-11-1999		CVNV	42/60	18/30	Đạt			
15	NV1351	Đặng Nhật	Hào	27-10-2000		CVNV	27/60	28/30	Không đạt			
16	NV1354	Tô Thị Kim	Hoài		05-08-1998	CVNV	26/60	17/30	Không đạt			
17	NV1345	Đinh Ngọc	Dâng		02-09-2000	CVNV			Vắng			
18	NV1349	Phan Ái	Duyên		06-07-1993	CVNV		Miễn	Vắng			
19	NV1353	Nguyễn Thị Thu	Hiếu		13-05-1979	CVNV			Vắng			
20	NV1355	Huỳnh Thị Thu	Hoài		13-02-1994	CVNV			Vắng			
21	NV1361	Đào Thị Khánh	Linh		09-01-1997	CVNV			Vắng			
22	NV1366	Phan Thị Bích	Thủy		01-06-1993	CVNV			Vắng			
23	NV1367	Lê Nữ Quỳnh	Trang		08-12-1993	CVNV			Vắng			
24	NV1368	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		06-10-1994	CVNV			Vắng			
25	NV1369	Đàm Vũ Tường	Vi		28-07-2000	CVNV			Vắng			
26	NV1370	Đặng Lê Trần	Vũ	12-06-1989		CVNV			Vắng			